

Số: 883/BC-TMD

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN**  
**NĂM 2020**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin;**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008, Đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 13 tháng 4 năm 2017.
- Vốn điều lệ: 214.183.460.000 đồng (*Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 214.183.460.000 đồng (*Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn*).
- Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: (0203) 3868 271/ 3868 272.
- Fax: (0203) 3868 276.
- Website: mongduongcoal.vn
- Mã cổ phiếu: **MDC.**


**Quá trình hình thành và phát triển**

Ngày 01 tháng 04 năm 1982 mỏ than Mông dương- Khe Chàm được thành lập trực thuộc Liên hiệp than Hòn Gai- Bộ Mỏ và Than;

Tháng 4 năm 1987 tách thành 2 mỏ: Mỏ than Mông Dương và Mỏ than Khe Chàm trực thuộc Công ty than Cẩm Phả- Bộ Năng Lượng;

Ngày 29 tháng 12 năm 1997 Mỏ than Mông Dương được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ của Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam- Vinacomin) theo Quyết định số 24-1997/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp;

Ngày 01 tháng 10 năm 2001 Hội đồng Quản trị Tổng công ty than Việt nam ban hành Quyết định số 405/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Mỏ than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- Doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt nam.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006 Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2456/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Công ty Than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- TKV. 

Ngày 18 tháng 12 năm 2006 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3673/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Công ty Than Mông Dương- TKV.

Công ty Than Mông Dương- TKV đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà Nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ 02 tháng 01 năm 2008 với tên giao dịch là: Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV. Công ty có vốn điều lệ là: 120.850.000.000 đồng (một trăm hai mươi tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam); trong đó vốn Nhà nước nắm giữ là: 54,03%;

Dưới sự hướng dẫn của Tập Đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam tại Công văn số 4648/TKV-HĐTV ngày 19/8/2010 và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Công ty đã làm thủ tục đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV sang Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin và tăng vốn điều lệ từ 120.850.000.000 đồng lên 150.839.520.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng. Đăng ký vốn Điều lệ và đổi tên Công ty từ ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Năm 2016, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đã phát hành 6.334.394 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ để tăng vốn điều lệ từ 150.839.520.000 đồng lên 214.183.460.000 đồng. Đăng ký vốn Điều lệ của Công ty từ ngày 28 tháng 10 năm 2016.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Truyền tải và phân phối điện	3512
02	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
03	Xây dựng nhà không để ở	4102
04	Xây dựng nhà để ở	4101
05	Xây dựng công trình công ích khác	4229
06	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
07	Xây dựng công trình đường sắt	4211
08	Xây dựng công trình đường bộ	4212
09	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe và xe có động cơ khác)	3315
10	Sửa chữa thiết bị điện	3314
11	Sửa chữa thiết bị khác	3319
12	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
13	Phá dỡ	4311
14	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
16	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530

STT	Tên ngành	Mã ngành
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
18	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
19	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
23	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
24	Khai thác và thu gom than bùn	0892
25	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
26	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312
27	Lắp đặt hệ thống điện	4321
28	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
29	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
30	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
31	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
32	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
33	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
34	Khai thác và thu gom than cứng	0510 (chính)
35	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
36	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

- Địa bàn hoạt động chính: Phường Mông Dương thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty, bao gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng Quản trị: 05 thành viên;

+ Ban Kiểm soát: 03 thành viên;

+ Các tổ chức đoàn thể (Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên);


+ Ban Giám đốc có: 01 Giám đốc điều hành, 04 Phó Giám đốc;

+ Kế toán trưởng: 01 thành viên;

+ Các phòng ban, công trường phân xưởng gồm: 13 Phòng ban, 23 Phân xưởng đơn vị sản xuất.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không

### 4. Định hướng phát triển của Công ty

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, 

tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển chung và dài hạn Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT đề ra phương hướng nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Công ty điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty ở từng thời điểm. Xây dựng Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin trở thành một Công ty khai thác mỏ hầm lò hàng đầu của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam với công nghệ cơ giới hoá từ việc đi lại trong lò đến khâu khai thác.

+ Áp dụng công nghệ khai thác hợp lý đối với vỉa dốc >45 độ nhằm tận thu tối đa tài nguyên bằng công nghệ sử dụng dàn mềm ZRY.

+ Tăng tốc độ đào lò chuẩn bị kịp diện cho khai thác bằng cách đầu tư, mua sắm thêm các thiết bị chuyên dụng như: máy đào lò, máy khoan, xúc...; Áp dụng triệt để công nghệ chống vùi neo để có thể giải phóng được tiến độ KNM, giảm vận chuyển VL, từ đó tăng năng suất cũng như tiến độ đào lò, cương quyết chỉ đạo đào chống lò 1 lần – Hoàn thiện, cùng với việc sử dụng băng tải đưa vào hoạt động phục vụ thi công đào lò và khai thác lò chợ nhằm giảm nhân lực dây chuyền và tăng năng suất lao động.

+ Đẩy nhanh tiến độ dự án xuống sâu khai thác dưới mức -250; nhằm duy trì ổn định sản xuất cho các năm tiếp theo khi kết thúc khai thác mức -250.

+ Nâng cao năng lực vận tải mỏ khu trung tâm mỏ Mông Dương.

+ Hoàn thiện dự án nâng cao năng lực thoát nước mỏ ứng phó điều kiện biến đổi khí hậu cực đoan.

### **5. Những khó khăn vướng mắc và các rủi ro:**

- Đối với Công ty điều kiện làm việc trung ở độ sâu dưới từ mức -100 đến -250 so với mực nước biển, nằm dưới các khu vực đã khai thác cũ, khu vực đổ thải, khu vực đã khai thác lộ vỉa, các khu vực này đều có nguy cơ tàng trữ nước rồi thấm thấu trực tiếp xuống các đường lò từ mức -100 đến -250 gây nguy cơ bực nước, khí trong quá trình khai thác và đào lò.

- Bên cạnh đó công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều bất cập về thủ tục, hướng dẫn pháp luật... dẫn đến làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của công nhân.

- Thời gian công nhân để gắn bó làm việc với nghề khai thác mỏ là rất ngắn do đó việc đào tạo và bố trí nhân lực cho đủ dây chuyền sản xuất chưa đạt được.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020**

### **1- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện so với kế hoạch:**



T T	Danh mục	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2019	KHĐC	THỰC HIỆN NĂM 2020	% TH/KH ĐIỀU CHỈNH	% Cùng kỳ năm 2019
<b>A</b>	<b>Sản xuất</b>						
<b>I</b>	<b>Than sản xuất</b>	Tấn	<b>1.627.000</b>	<b>1.610.000</b>	<b>1.622.000</b>	<b>100,8</b>	<b>99,7</b>
1	Than hầm lò	Tấn	1.477.000	1.500.000	1.512.000	100,8	102,4
2	Than Lộ thiên	Tấn	150.000	110.000	110.000	100	73,3
	- Nội bộ làm	“	58.000	19.000	19.000	100	32,8
	- Than giao thầu	“	92.000	91.000	91.000	100	98,9
<b>II</b>	<b>Bóc đất đá</b>	M <sup>3</sup>	<b>1.446.000</b>	<b>1.417.000</b>	<b>1.416.000</b>	<b>99,9</b>	<b>97,9</b>
1	Tự làm	M <sup>3</sup>	422.000	307.000	307.000	100	72,7
2	Thuê thầu khai thác	M <sup>3</sup>	1.024.000	1.110.000	1.109.000	99,9	108,3
<b>III</b>	<b>Mét lò đào tổng số</b>	M	<b>17.300</b>	<b>20.850</b>	<b>21.101</b>	<b>101,2</b>	<b>122,0</b>
1	Đào lò CBSX	M	17.300	20.850	21.101	101,2	122,0
	- Nội bộ làm	“	15.430	18.500	18.970	102,5	122,9
	- Mét lò neo	“	2.790	4.000	4.255	106	152,5
	- Mét lò đào thuê ngoài	“	1.870	2.350	2.130	90,7	113,9
<b>B</b>	<b>Than tiêu thụ tổng số</b>	Tấn	<b>1.581.000</b>	<b>1.570.000</b>	<b>1.602.000</b>	<b>102</b>	<b>101,3</b>
1	Than NK giao NMT	Tấn	1.325.000	1.387.000	1.418.000	102	107,0
2	Than sạch giao KV	Tấn	256.000	183.000	183.000	100	71,5
<b>C</b>	<b>Giá trị đầu tư</b>	Tr.đ	<b>94.736</b>	<b>251.360</b>	<b>247.747</b>	<b>98,6</b>	<b>261,5</b>
	Xây lắp	Tr.đ	6.083	5.318	2.422	45,5	39,8
	Thiết bị	Tr.đ	83.960	235.693	238.126	101,0	283,6
	Khác	Tr.đ	4.693	10.349	7.199	69,6	153,4
<b>D</b>	<b>Doanh thu tổng số</b>	Tr.đ	<b>2.089.387</b>	<b>2.435.600</b>	<b>2.469.000</b>	<b>101,4</b>	<b>118,2</b>
<b>E</b>	<b>Lợi nhuận tổng số</b>	Tr.đ	<b>43.894</b>	<b>27.653</b>	<b>28.121</b>	<b>101,7</b>	<b>64,1</b>
<b>F</b>	<b>Số lao động</b>	Người	<b>3.290</b>	<b>3.286</b>	<b>3.415</b>	<b>104</b>	<b>103,8</b>
<b>G</b>	<b>Thu nhập bình quân</b>	Tr.đ/ng/t h	<b>14,672</b>	<b>15,632</b>	<b>15,632</b>	<b>100</b>	<b>106,5</b>
<b>H</b>	<b>Lương BQ CN lò</b>	Tr.đ/ng/t h	<b>19,428</b>	<b>19,783</b>	<b>19,803</b>	<b>100,1</b>	<b>101,9</b>
<b>I</b>	<b>Tồn kho</b>	Tấn	<b>46.000</b>		<b>44.000</b>		<b>95,7</b>

## 2. Tổ chức và nhân sự

a) Tóm tắt lý lịch của Ban Giám đốc điều hành: (chi tiết như phụ lục số 1)

**b) Những thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành:**

- Trong năm 2020 danh sách về người có liên quan của Công ty có thay đổi 03 trường hợp do nhân sự chuyển công tác và nghỉ hưu, cụ thể: Trường hợp thứ nhất: Bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT đồng thời giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT để thay thế cho thành viên HĐQT chuyển công tác theo yêu cầu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Trường hợp thứ hai: Thay đổi Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty. Trường hợp thứ ba: PGĐ Tạ Văn Bền nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 1/11/2020.

**c) Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty:** Lao động danh sách đến thời điểm 31/12/2020 là 3.415 người; tăng 129 người so với KH đầu năm; tiền lương thực hiện bình quân 15,632 triệu đồng/người/tháng bằng 100%KH

**d) Chính sách đối với người lao động**

- Công ty tổ chức thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám bệnh cho cán bộ công nhân viên 01 lần/ năm và đối với lao động nữ và làm việc nặng nhọc độc hại 02 lần/ năm; Duy trì tắm nóng, ăn tự chọn, chế độ tiền lương được cải thiện. Ngoài việc bố trí nghỉ vào dịp lễ, tết Công ty còn tổ chức công nhân viên chức đi thăm quan, nghỉ mát và điều dưỡng...

- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ chuyên môn.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

Công ty thực hiện ĐTXD năm 2020 theo kế hoạch đầu tư tại văn bản số 4809/TKV-ĐT ngày 06/10/2020 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Quyết định số 2746/QĐ-TMD ngày 30/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin “V/v phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 (điều chỉnh).

**3.1. Tình hình thực hiện một số dự án như sau:**

**3.1.1 Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2019**

Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 2114/TKV-ĐT ngày 26/4/2019 và được giám đốc Công ty phê duyệt tại Quyết định số 905/QĐ-TMD ngày 07/5/2019. Trong đó:

- Tổng mức đầu tư: 103.079 Tr.đồng.
- Thời gian thực hiện dự án: 2019-2020
- Kế hoạch giao năm 2020: 30.137 triệu đồng;
- Tình hình thực hiện năm 2020: 27.104 triệu đồng;
- Thực hiện lũy kế đến 31/12/2020: 91.120 triệu đồng;



- Giải ngân đến thời điểm báo cáo: 70.796 triệu đồng;
- Mục tiêu năm 2020: Hoàn thành đầu tư và quyết toán dự án.
- Đánh giá tiến độ thực hiện DA so với tiến độ đã được phê duyệt: Dự án thực hiện đúng tiến độ phê duyệt, đáp ứng yêu cầu sản xuất của Công ty.
- Tình hình kiểm toán và phê duyệt quyết toán dự án: Dự án đang được đơn vị tư vấn thẩm tra quyết toán.

### **3.1.2 Dự án Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác áp dụng Cơ giới hoá đồng bộ thu hồi than nóc hạng nhẹ tại Công ty CP than Mông Dương**

Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 3556/TKV-ĐT ngày 12/7/2019 và được giám đốc Công ty phê duyệt tại Quyết định số 1710/QĐ-TMD ngày 26/7/2019. Trong đó:

- Tổng mức đầu tư: 118.279 triệu đồng.
- Thời gian thực hiện DA: 2019-2020;
- Kế hoạch giao năm 2020: 112.436 triệu đồng;
- Tình hình thực hiện năm 2020: 111.429 triệu đồng;
- Thực hiện lũy kế đến 31/12/2020: 113.517 triệu đồng;
- Giải ngân đến thời điểm báo cáo: 83.995 triệu đồng;
- Mục tiêu năm 2020: Hoàn thành đầu tư và quyết toán dự án.
- Đánh giá tiến độ thực hiện DA so với tiến độ đã được phê duyệt: Dự án thực hiện đúng tiến độ phê duyệt, đáp ứng yêu cầu sản xuất của Công ty.
- Tình hình kiểm toán và phê duyệt quyết toán dự án: Dự án đang được đơn vị tư vấn thẩm tra quyết toán.


### **3.1.3 Dự án Đầu tư thiết bị lò chợ giá thủy lực di động liên kết bằng xích**

Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 11/TKV-ĐT ngày 03/01/2020 và được giám đốc Công ty phê duyệt tại Quyết định số 164/QĐ-TMD ngày 21/01/2020. Trong đó:

- Tổng mức đầu tư: 34.632 triệu đồng.
- Thời gian thực hiện DA: Năm 2020
- Kế hoạch giao năm 2020: 30.838 triệu đồng;
- Tình hình thực hiện năm 2020: 30.677 triệu đồng;
- Thực hiện lũy kế đến 31/12/2020: 30.677 triệu đồng;
- Giải ngân đến thời điểm báo cáo: 18.184 triệu đồng;
- Mục tiêu năm 2020: Hoàn thành đầu tư và quyết toán dự án.
- Đánh giá tiến độ thực hiện DA so với tiến độ đã được phê duyệt: Tiến độ thực hiện dự án đạt yêu cầu so với kế hoạch.
- Tình hình kiểm toán và phê duyệt quyết toán dự án: Dự án đang được đơn vị tư vấn kiểm toán.

### **3.1.4. BCKTKT Đầu tư hệ thống tự động hóa trạm quạt gió chính.**

Dự án được HĐQT thông qua tại Nghị Quyết số 16/NQ-HĐQT ngày 13/3/2020, giám đốc Công ty phê duyệt tại Quyết định số 653/QĐ-TMD ngày 25/03/2020. Trong đó:

- Tổng mức đầu tư: 14.887 triệu đồng. 

- Thời gian thực hiện DA: Năm 2020
- Kế hoạch giao năm 2020: 13.847 triệu đồng;
- Tình hình thực hiện năm 2020: 13.824 triệu đồng;
- Thực hiện lũy kế đến 31/12/2020: 13.671 triệu đồng;
- Giải ngân đến thời điểm báo cáo: 7.781 triệu đồng;
- Mục tiêu năm 2020: Hoàn thành đầu tư và quyết toán dự án.
- Đánh giá tiến độ thực hiện DA so với tiến độ đã được phê duyệt: Tiến độ thực hiện dự án đạt yêu cầu so với kế hoạch.
- Tình hình kiểm toán và phê duyệt quyết toán dự án: Dự án đang được đơn vị tư vấn kiểm toán.

### **3.1.5. Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2020**

Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 2024/TKV-ĐT ngày 28/4/2020 và được giám đốc Công ty phê duyệt tại Quyết định số 1122/QĐ-TMD ngày 11/5/2020. Trong đó:

- Tổng mức đầu tư: 108.067 triệu đồng.
- Thời gian thực hiện DA: Năm 2020-2021
- Kế hoạch giao năm 2020: 38.661 triệu đồng;
- Tình hình thực hiện năm 2020: 41.809 triệu đồng;
- Thực hiện lũy kế đến 31/12/2020: 41.810 triệu đồng;
- Giải ngân đến thời điểm báo cáo: 22.371 triệu đồng;
- Mục tiêu năm 2020: Thực hiện đầu tư các hạng mục của dự án.
- Đánh giá tiến độ thực hiện DA so với tiến độ đã được phê duyệt: Tiến độ thực hiện dự án đạt yêu cầu so với kế hoạch.
- Tình hình kiểm toán và phê duyệt quyết toán dự án: Chưa thực hiện

### **3.1.6 Dự án Đầu tư thiết bị nâng cao năng lực đào lò mỏ than Mông Dương - Công ty CP than Mông Dương.**

Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 1898/TKV-ĐT ngày 22/4/2020 và được giám đốc Công ty phê duyệt tại Quyết định số 1123/QĐ-TMD ngày 11/5/2020. Theo đó:

- Tổng mức đầu tư: 24.284 triệu đồng.
- Thời gian thực hiện DA: Năm 2020-2021
- Kế hoạch giao năm 2020: 23.524 triệu đồng;
- Tình hình thực hiện năm 2020: 23.503 triệu đồng;
- Thực hiện lũy kế đến 31/12/2020: 22.626 triệu đồng;
- Giải ngân đến thời điểm báo cáo: 12.743 triệu đồng;
- Mục tiêu năm 2020: Thực hiện đầu tư mua sắm và lắp đặt toàn bộ thiết bị của dự án.
- Đánh giá tiến độ thực hiện DA so với tiến độ đã được phê duyệt: Tiến độ thực hiện dự án đạt yêu cầu so với kế hoạch.
- Tình hình kiểm toán và phê duyệt quyết toán dự án: Chưa thực hiện

### **3.1.7. Dự án giếng đứng phụ (+10-: -425) khu Trung tâm Mông Dương**



Đơn vị tư vấn đã lập xong phương án, hiện nay Công ty đang trình Tập đoàn TKV thẩm định thông qua phương án.

**3.1.8. BCKTKT Đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước phục vụ sinh hoạt 1000m<sup>3</sup>/ngày-đêm và xử lý nước thải sinh hoạt 200m<sup>3</sup>/ngày-đêm.**

Dự án đã được Công ty phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch. Hiện nay Dự án đang được các bộ phận chuyên môn của Công ty tổ chức thẩm định.

**3.2. Kết quả thực hiện kế hoạch**

Công tác thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 đạt: 247.747/251.360 triệu đồng bằng 98,6% so với kế hoạch năm.

**3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có**

**4. Tình hình tài chính:**

**a) Tình hình tài chính năm 2020**

TT	CHỈ TIÊU	LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ		% Tăng giảm (3=1/2)
		NĂM NAY 2020 (1)	NĂM TRƯỚC 2019 (2)	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.485.126.994.050	2.077.359.207.678	119,6
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.485.126.994.050	2.077.359.207.678	119,6
4	Giá vốn hàng bán	2.290.357.035.050	1.841.387.402.826	124,4
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	194.769.959.000	235.971.804.852	82,5
6	Doanh thu hoạt động tài chính	720.136.980	697.729.929	103,2
7	Chi phí tài chính	46.878.334.220	51.549.795.614	90,9
	Trong đó: chi phí lãi vay	51.838.478.939	61.758.267.314	83,9
8	Chi phí bán hàng	13.732.575.099	16.967.877.302	80,9
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	108.435.784.819	99.852.742.542	108,6
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.443.401.842	68.299.119.323	38,7
11	Thu nhập khác	2.732.032.263	11.497.882.005	23,8
12	Chi phí khác	1.054.245.027	35.902.899.626	2,9
13	Lợi nhuận khác	1.677.787.236	(24.405.017.621)	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.121.189.078	43.894.101.702	64,1

TT	CHỈ TIÊU	LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ		% Tăng giảm (3=1/2)
		NĂM NAY 2020 (1)	NĂM TRƯỚC 2019 (2)	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	19.358.736.472	
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(674.231.263)	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.121.189.078	25.209.596.493	111,5
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.313	1.177	111,5

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng, giảm
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn	0,54	0,59	9,35
+	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,46	0,56	19,86
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,80	0,83	4,84
+	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	3,89	5,02	29,12
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+	Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	49,30	65,86	33,59
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,75	1,68	(4,01)
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,012	0,011	(6,75)
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,104	0,114	10,23
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,021	0,019	(10,50)
+	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,033	0,011	(67,64)


**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**a) Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần phổ thông:

21.418.346 cổ phần;

- Mệnh giá:

10.000 đồng; 

- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

**b) Cơ cấu cổ đông:**

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
<b>A</b>	<b>Cơ cấu cổ đông</b>	<b>21.418.346</b>	<b>100%</b>	<b>17</b>	<b>1.738</b>
1	Cổ đông nắm giữ >50% cổ phần có quyền biểu quyết	13.921.925	65,0%	1	
2	Cổ đông nắm giữ >5 đến dưới 20% cổ phần có quyền biểu quyết	3.639.268	16,99%	1	
3	Cổ đông nắm giữ > 1 đến dưới 5 % cổ phần có quyền biểu quyết	0	0%		0
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	3.857.153	18,01%	15	1.738
	<i>Trong đó cổ đông là CBCNV trong Công Ty</i>	<i>689.040</i>	<i>3,21%</i>		<i>663</i>
5	Cổ phiếu quỹ	0	0%		
<b>B</b>	<b>Trong đó:</b>				
1	Vốn Nhà nước	13.921.925	65,0%	1	
2	Vốn nước ngoài	3.727.433	17,4%	2	8

\* *Thông tin về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty*

1) Cổ đông là tổ chức Nhà Nước: Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 13.921.925 cổ phần, chiếm 65,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2) Cổ đông là tổ chức nước ngoài: Raw & Refined Commodities ag – Thụy Điển: nắm giữ 3.639.268 cổ phần, chiếm 16,99 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Hiện tại Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ, trong năm 2020 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

**e. Các chứng khoán khác:** (Không có)

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khai thác và thu gom than cứng theo công nghệ khai thác lò đứng. Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là thiết bị đào lò và giàn chống, giá chống thủy lực phục vụ cho khai thác than.

**6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ trực tiếp: 36.869.978 kw/h;

- Tiêu thụ gián tiếp: 912.836 lít dầu diesel và 1005 tấn than.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: 1.678.167 kw/h

### **6.3. Tiêu thụ nước xử lý nước thải:**

a) Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin tiêu thụ nước sạch từ 02 nguồn cung cấp nước chính: (i) Nguồn nước từ xử lý tái sử dụng từ các trạm xử lý nước thải mỏ; (ii) Nguồn nước của Công ty nước sạch Cẩm Phả. Trong năm 2020 lượng nước tiêu thụ cụ thể như sau:

- Nước xử lý tái sử dụng phục vụ sinh hoạt tắm giặt (tại trạm xử lý nước mức +28): 121.500m<sup>3</sup>.

- Nước cấp phục vụ phun sương và nước tưới đường đập bụi: 56.400m<sup>3</sup>;

- Nguồn nước của Công ty nước sạch Cẩm Phả phục vụ ăn uống, lọc nước tinh khiết là: 46.714 m<sup>3</sup>.

b) Tổng lượng nước thải đã xử lý qua Công ty TNHH MTV Môi trường TKV là: 8.357.326 m<sup>3</sup>; Chi phí xử lý nước thải trong năm 2020: 26.626.535.093 đồng.

### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động trung bình trong năm của Công ty: 3415 người. Mức lương bình quân năm 2020: 15.632.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty đã tập trung đầu tư lò chợ cơ giới hóa, hệ thống cơ giới hóa tối đa vận chuyển vật liệu cho hầm lò. Đặc biệt là vận chuyển gầu gương cho các đơn vị đào lò; Duy trì hệ thống vận chuyển người trên các tuyến lò nghiêng, các tuyến lò bằng đến gần vị trí làm việc; Ngoài ra duy trì và đầu tư đổi mới thiết bị khoan, xúc đất đá cho các gương lò đào, các thiết bị công nghệ mới trong hệ thống vận chuyển.... để giảm sức lao động cho công nhân hầm lò.

- Tập trung soát xét và tổ chức sử dụng triệt để tối đa các loại vật tư vật liệu và khai thác tối đa tài nguyên than để giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận và có cổ tức cho Cổ đông.

- Thường xuyên tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí như: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, tennis và các hoạt động VHVN khác.

- Tổ chức cho 3.347 CBCNV các đơn vị trong Công ty đi nghỉ dưỡng sức cuối tuần (thứ 7 và chủ nhật).

- Tổ chức cho CBCN thuộc đối tượng bị mắc bệnh bụi phổi silico đi rửa phổi: tổng 13 đợt 34 người với số tiền là 1.536.160.000 đồng

- Duy trì tốt chế độ ăn cơm giữa ca tự chọn cho CBCN đảm bảo đủ lượng và chất dinh dưỡng;

- Trợ cấp khó khăn thường xuyên: 20 người với số tiền 100.000.000đồng.  
- Thăm hỏi ốm đau, thai sản, thăm viếng thân nhân CBCNV: 950 lượt người với số tiền là 959.000.000đồng.

- Công ty đóng đầy đủ, kịp thời chế độ bảo hiểm cho người lao động theo đúng luật định (BHXH, BHYT, BHTN, BH TNLĐ-BNN)

- Giải quyết chế độ nghỉ ốm trong năm 2020 là 8.438 lượt người với tổng số 26.321 ngày công.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm, số lượt người được khám lần I là: 2.959/3065 người đạt 96,5%. Số lượt người khám đợt II là: 3.269/3330 người đạt 98,2%.

- Khám chữa bệnh tại cơ sở: Tổ chức tốt công tác khám chữa bệnh, cấp phát thuốc điều trị ngoại trú cho CBCNV trong Công ty theo đúng luật BHYT quy định. Tổng số: 7770 lượt; Số tiền khám BHYT: 296.361.334 đ. (tính đến 31/ 11/2020)

- Thực hiện nghiêm túc, các chế độ chính sách đối với người lao động, duy trì sử dụng các quỹ (khen thưởng, phúc lợi, hoạt động xã hội) để khuyến khích CBCNV trong lao động sản xuất và hỗ trợ, trợ cấp CBCNV có hoàn cảnh khó khăn...

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Công tác quản lý lao động:

Đến thời điểm 31/12/2020 nhân lực của Công ty là 3341 người, tăng 2 người so với thời điểm 31/12/2019, tuy nhiên số lao động tăng là lực lượng lao động chính thợ lò, cơ điện lò, trong khi đó lao động phục vụ phụ trợ và lao động quản lý giảm do vậy cơ cấu lực lượng lao động đã được sắp xếp hợp lý hơn theo chủ trương của Tập đoàn.

- Công tác tuyển dụng lao động:

\* Các việc đã thực hiện:

+ Kéo dài tuyến xe đưa đón công nhân vào các huyện Bình Liêu, Ba chẽ và Đàm Hà để thu hút thêm lao động vùng Miền Đông.

+ Giao chỉ tiêu tuyển lao động cho các đơn vị, đồng thời có chế độ khuyến khích hỗ trợ cao (2.000.000đồng/hồ sơ) tạo động lực cho CBCNV tham gia công tác tuyển dụng lao động cho Công ty.


+ Duy trì các chế độ ưu đãi, phục vụ thợ lò: Ăn định lượng, nước tắm, giặt quần áo bảo hộ lao động, điều trị điều dưỡng sức khỏe, rửa bụi phổi, khám sức khỏe định kỳ, đổi mới cách thức ăn bồi dưỡng giữa ca... ở mức độ cao hơn, chất lượng và chu đáo hơn để thu hút giữ chân thợ lò.

\* Kết quả thực hiện năm 2020:

Năm 2020 Công ty tuyển dụng 331/338 lao động khai thác mỏ hầm lò (291 khai thác, 36 cơ điện, 04 lao động khác).

- Công tác tuyển học sinh nghề khai thác mỏ hầm lò gửi đi đào tạo tại Trường Cao đẳng TKV:

\* Các việc đã thực hiện:

Công tác tuyển sinh: Xác định công tác tuyển sinh nghề khai thác mỏ hầm lò ngày càng khó khăn, đặc biệt đối với Công ty do đặc thù về điều kiện địa lý, 

khai thác ngày càng xuống sâu...nên ngay từ đầu năm Công ty đã tập trung triển khai nhiều giải pháp để thu hút học sinh như:

+ Công ty đã xây dựng Kế hoạch tuyển sinh đào tạo công nhân kỹ thuật các nghề mỏ hầm lò năm 2020 đã được Tập đoàn phê duyệt.

+ Kéo dài tuyến xe đưa đón từ Tiên Yên về Đầm Hà, bổ sung xe đưa đón từ Thị trấn huyện Bình Liêu; Mở tuyến xe từ Huyện Ba chẽ về Mông Dương.

+ Phối hợp với Trường Cao đẳng Than – Khoáng sản tổ chức 03 lớp đào tạo hệ sơ cấp vận hành học tại Tiên yên cho 135 học sinh.

+ Có chế độ khuyến khích phù hợp cho CBCNV tham gia công tác tuyển sinh (thưởng 2.000.000 đồng/01 học sinh. Thưởng cho các tập thể đơn vị hoàn thành chỉ tiêu tuyển sinh do Công ty giao từ 15.000.000 -:-30.000.000 đồng), năm 2020 CBCNV các đơn vị đã tham gia tuyển được 236 học sinh góp phần vào kết quả tự tuyển của Công ty đạt cao so với kế hoạch Tập đoàn giao.

+ Mỗi quý một lần Công ty cùng Trường Cao đẳng Than – Khoáng sản tổ chức họp đánh giá kết quả tuyển sinh, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc để hoàn thành chỉ tiêu theo KH được giao.

\* Kết quả thực hiện năm 2020:

Kết quả đã phối hợp với các Trường Cao đẳng TKV tuyển sinh và đào tạo 378/350 học sinh nghề khai thác mỏ hầm lò và cơ điện mỏ hầm lò đạt 108 % KH năm, trong đó:

+ Công ty tuyển:  $236/150 = 157\%$  KH.

+ Nhà Trường tuyển  $142/150 = 71\%$  KH.

- Công tác đào tạo khác:

+ Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho 275 cán bộ, nhân viên các đơn vị trong Công ty.

+ Huấn luyện thêm nghề, bồi dưỡng tay nghề bậc thợ cho 245 công nhân các phân xưởng SX trong Công ty.

+ Huấn luyện chuyển giao công nghệ mới cho 172 cán bộ công nhân các đơn vị trong Công ty.

+ Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và đánh giá kỹ năng nghề theo Luật An toàn, cho 2.371 lượt người thuộc danh mục nghề bắt buộc phải đào tạo huấn luyện.

+ Đào tạo bồi dưỡng chính trị, an ninh, quốc phòng cho 68 cán bộ, công nhân viên trong Công ty, đạt 100% kế hoạch năm.

#### **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ SX đối với nhà nước, đời sống của cán bộ, công nhân viên luôn luôn được cải thiện, các phong trào quyền góp ủng hộ, công tác xây dựng địa phương, công tác xã hội luôn được Công ty coi trọng và tham gia đầy đủ; Chính sách thu hút nhân tài, người lao động luôn được quan tâm.

Năm 2020, Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp: Từ đầu tư áp dụng công nghệ, cải thiện điều kiện đi lại và làm việc cho công nhân hầm lò, chăm lo đời sống vật chất tinh thần, ổn định sản

xuất, đảm bảo việc làm, thu nhập của người lao động, duy trì các hoạt động phục vụ cộng đồng, tạo tiền đề cho việc duy trì và phát triển Công ty bền vững.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN. (Không có)

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2020 dịch bệnh COVID - 19 đã bùng phát trên phạm vi toàn cầu làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn TKV nói chung và của Công ty nói riêng. Với phương châm “vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa đảm bảo ổn định sản xuất, kinh doanh hiệu quả”.

Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp, giải pháp, sự chỉ đạo điều hành quyết liệt, linh hoạt, với tinh thần đoàn kết nội bộ của cả hệ thống chính trị và sự quan tâm giúp đỡ tạo điều kiện mọi mặt của các đ/c Lãnh đạo Tập đoàn, các Ban chuyên môn của TKV, kết thúc năm 2020 Công ty đã hoàn thành được các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch năm 2020; cụ thể:

- **Doanh thu:** Trong năm sản lượng than quy sạch của Công ty tiêu thụ: 1.396.000 Tấn/KH 1.362.000 tấn bằng 102,2% KH, doanh thu sản xuất than thực hiện là 2.469 tỷ đồng/KH: 2.435,6 tỷ đạt 101,4%KHĐC; đạt 119% so với Nghị Quyết (vượt 119% so với cùng kỳ năm 2019).

- **Nộp ngân sách nhà nước:** 496 tỷ đồng cao hơn so với năm 2019 là 17 tỷ nguyên nhân do đơn giá tính thuế tăng.

- **Lợi nhuận:** 28,121 tỷ đồng đạt 101,7 % KH năm và Nghị quyết (KH: 27,653 tỷ đồng) vượt 111,5% so với cùng kỳ năm 2019.

- **Tổng tài sản năm 2020:** Là 1.481 tỷ đồng tăng vượt 125% so với cùng kỳ năm 2019.

- **Thu nhập:** Tiền lương thực hiện bình quân 15,632 triệu đồng/người/tháng bằng 100%KH (Tăng 106% so với cùng kỳ năm 2019); tiền lương thực hiện bình quân công nhân lò 19,803 triệu đồng/người/tháng bằng 100,1%KH (Tăng 102 so với cùng kỳ năm 2019).

- **Than SX:** Thực hiện 1.622.000T/KHĐC:1.610.000T đạt 100,7%KHĐC nhưng chỉ đạt 97% so với Nghị quyết số 999/NQ-MDC, ngày 25/4/2020 (1.660.000 tấn).

- **Đào lò:** Thực hiện 21.101m/KH: 20.850m đạt 101,2%KH; bằng 104% so với Nghị Quyết (20.150 mét). (Vượt 122% so với cùng kỳ năm 2019); trong đó:

- **Đất bóc:** Thực hiện 1.416.000m<sup>3</sup>/KH: 1.417.000m<sup>3</sup> đạt 99,9%KH; bằng 86% so với Nghị Quyết (1.640.000 m<sup>3</sup>). (Đạt 98% so với cùng kỳ năm 2019);

#### *Những tiến bộ công ty đã đạt được:*

- Là năm tổ chức thành công đại hội Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2020-2025; trong đó có bầu trực tiếp Bí thư Đảng bộ tại đại hội và bổ sung 6 đồng chí mới vào BCH.

- SXKD hoàn thành các chỉ tiêu theo KHĐC về đích vào ngày 25/12 và sản lượng than hầm lò đạt công suất thiết kế 1.500.000T.

- Công tác bảo toàn và phát triển vốn bền vững, ổn định (Khả năng thanh toán nợ đến hạn TH: 0.59/0.51 lần; và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu TH: 5,02/4,62 lần so với KH được giao. Nguyên nhân: Tại thời điểm 31/12/2020 số dư nợ tiền than vượt định mức TKV giao: 257 tỷ/126 tỷ KH nếu được thanh toán tiền than hoặc bù trừ công nợ theo hạn mức thì hệ số nợ phải trả/vốn CSH của Công ty sẽ giảm tương ứng là: 4,49/4,62 lần và khả năng thanh toán nợ đến hạn thực hiện là: 0,52/0,51 lần so với kế hoạch được giao). Sau khi trích lập dự phòng mua bảo hiểm tài sản theo quy định, công ty đạt lợi nhuận trước thuế 28,121 tỷ /27,653 tỷ đồng KH, điều này cho thấy Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn kinh doanh. Thoái vốn thành công tại nhiệt điện Cẩm Phả giá trị thu được theo hình thức khớp lệnh trên sàn giao dịch: 21,8 tỷ đồng. Tăng sở hữu của cổ phiếu TKV tại công ty từ 54,03% lên 65%.

- Công tác lao động, tiền lương có nhiều khởi sắc. Công ty đã có nhiều giải pháp khuyến khích tiền lương để thúc đẩy sản xuất; công tác tuyển sinh với số lượng tuyển kỹ lục là 567 người.

- Là năm công tác đầu tư có nhiều đột phá, hoàn thành giá trị theo KHĐC, tập trung đúng hướng CGH, TĐH và đưa 1 lò chợ cơ giới hóa hạng nhẹ công suất 300.000 tấn/năm vào sản xuất; quyết toán xong dự án Mông Dương giai đoạn II (điều chỉnh).

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào lò khai thông mức -400, tập trung phương án khoan thăm dò khu Trung tâm Mông Dương, găm Cọc 6 và Bắc cọc 6 để đảm bảo mục tiêu phát triển mở lâu dài. Công ty xác định đây là mục tiêu quan trọng nhất của năm 2020 và các năm tiếp theo.

- Là năm thực hiện xong đề án tái cơ cấu theo Quyết định số 491/QĐ-TKV, ngày 30/3/2018.

- Là năm công tác Bảo vệ, quân sự, An ninh trật tự khai trường công ty được giữ vững.

- Công tác chăm lo đời sống người lao động và cải tạo cảnh quan, môi trường mỏ được cải thiện rõ rệt. Mặc dù giá cả có nhiều biến động tuy nhiên công ty vẫn duy trì bữa ăn tự chọn và nước tăng lực đảm bảo dinh dưỡng cho CB CNV. Sửa chữa, cải tạo nhà điều hành, nhà ăn, cải tạo khuôn viên...đi nghỉ cuối tuần...

- Là năm phong trào thi đua nở rộ và gặt hái được nhiều thành công, huy chương và đứng thứ hạng cao trong mỗi đợt tổ chức phong trào do TKV tổ chức ở nhiều lĩnh vực: Tennis, cầu lông.

## 2. Tình hình tài chính:

### a) Tình hình tài sản năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)
1	Tổng tài sản (trong đó)	1.188.609.682.308	1.481.383.706.676
1.1	Tài sản ngắn hạn	287.701.131.896	496.288.846.056
1.2	Tài sản dài hạn	900.908.550.412	985.094.860.620
	Trong đó: TSCĐ HH	491.175.142.694	564.597.656.597



STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)
2	Doanh thu thuần	2.077.359.207.678	2.485.126.994.050
3	Lợi nhuận trước thuế	43.894.101.702	28.121.189.078
4	Lợi nhuận sau thuế	25.209.596.493	28.121.189.078

Trong năm 2020, Công ty đã đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ các dự án khai thác, duy trì sản xuất với tổng mức đầu tư là: 210.081 triệu đồng. Hình thành tài sản cố định trích khấu hao (tăng tài sản) là: 196.933 triệu đồng. Thiết bị đầu tư dở dang cuối kỳ là: 34.610 triệu đồng, nguyên nhân do một số thiết bị đầu tư mua sắm thực hiện vào cuối Quý IV nên công tác vận hành chạy thử, nghiệm thu đưa vào sử dụng đều sau ngày 31/12/2020.

Giá trị tài sản giảm trong năm là: 15.342 triệu đồng. ( Trong đó tài sản thanh lý không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật là 15.273 triệu đồng)

- Hiệu quả sử dụng tài sản cố định năm 2020 được đánh giá qua chỉ tiêu Doanh thu thuần /Giá trị tài sản cố định đạt: 4,40 (Tỷ số này cao chứng tỏ tình hình hoạt động của doanh nghiệp tốt đã tạo ra doanh thu thuần cao hơn so với tài sản cố định, việc đầu tư vào tài sản cố định của doanh nghiệp là xác đáng, cơ cấu hợp lý, hiệu suất sử dụng cao).

- Ngoài chỉ tiêu đã nêu trên thì công tác theo dõi trích khấu hao tài sản cố định phục vụ cho sản xuất để thu hồi vốn đầu tư của Công ty được thực hiện đầy đủ, đúng với quy định của pháp luật thuế và chuẩn mực kế toán doanh nghiệp.

**b) Tình hình nợ phải trả:**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020(đồng)	% Tăng giảm
(A)	(B)	1	2	(3=2/1)
A	Nợ ngắn hạn: Trong đó	531.665.685.577	838.687.309.734	157,7
1	Vay và nợ ngắn hạn	179.437.940.288	247.678.483.439	138,0
2	Phải trả người bán	238.579.265.973	421.890.738.085	176,8
B	Nợ dài hạn	413.700.792.451	396.541.600.077	95,9
1	Vay và nợ dài hạn	408.950.601.496	392.669.272.733	96,0
C	Tổng nợ phải trả (A+B)	945.366.478.028	1.235.228.909.811	130,7

Tổng các khoản nợ phải trả tăng so với đầu kỳ là: 289.862 triệu đồng, tương ứng tăng 30,66%. Không có nợ quá hạn, nợ xấu. Nợ phải trả ngắn hạn tăng 307.022 triệu đồng, tương ứng tăng 57,75 %, nợ dài hạn giảm 17.159 triệu đồng, tương ứng giảm 4,15%. Nguyên nhân chủ yếu năm 2020 Công ty vẫn thu xếp ổn định dòng tiền để thực hiện nộp ngân sách Nhà nước, trả nợ người bán và trả lương CBCNV đúng thời hạn quy định.

Để thực hiện tốt khâu thanh toán nợ Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ, chứng từ, hợp đồng mua bán, đối chiếu công nợ hàng tháng, quý, năm. Thực hiện nghiêm túc quy định thanh toán của Tập đoàn, tích cực thu hồi công nợ phải thu giảm nợ phải trả. Khẩn trương hoàn thành các hạng mục công trình đầu tư bàn giao đưa vào sử dụng tăng tài sản trích khấu hao để có nguồn trả nợ gốc vay

dài hạn. Linh hoạt trong sử dụng dòng tiền để hạn chế vay nợ ngắn hạn, cân đối vay nợ dài hạn cho phù hợp, tiết kiệm nguồn vốn để giảm gốc vay và lãi vay ngân hàng.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Công ty đã thực hiện xong các nội dung theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020 đã được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 491/QĐ-TKV ngày 30/3/2018, trong quý I năm 2021 đang triển khai xây dựng Đề án tái cơ cấu trong giai đoạn tiếp theo để triển khai thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục vận động số lao động dôi dư ở các khâu phục vụ phụ trợ và gián tiếp đủ điều kiện về nghỉ chế độ, nhằm giảm tỷ trọng lao động gián tiếp và phục vụ phụ trợ về sát với tỷ trọng theo mô hình mẫu.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Lựa chọn các giải pháp để duy trì và phát triển sản xuất của Công ty theo hướng phát triển bền vững;

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần, văn hóa xã hội cho toàn thể CBCNV trong Công ty và gia tăng các giá trị phục vụ lợi ích cộng đồng;

Thực hiện các giải pháp gắn kết phát huy được vai trò, sức mạnh của các tổ chức Chính trị - Xã hội để phát triển Công ty.

**5. Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có (Kiểm toán độc lập chấp nhận toàn phần).

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:**

#### ***a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường:***

Năm 2020, Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường cụ thể: Đã kiểm soát được chất lượng môi trường không để các tác động tiêu cực đến môi trường không khí, môi trường nước và môi trường đất vượt các Quy chuẩn môi trường tương ứng.

Đầu tư và duy trì sửa chữa các công trình hạ tầng trong các khu vực mặt bằng công nghiệp mở đảm bảo khung trang sạch đẹp sẽ góp phần cùng địa phương xây dựng thành phố Cẩm Phả.

- Hàng năm thực hiện nạo vét khai thông các tuyến cống rãnh và suối thoát nước trong khu vực, quét dọn vệ sinh môi trường trong mặt bằng công nghiệp mở, các tuyến đường và khuôn viên phục vụ các hoạt động chung của Công ty và cộng đồng dân cư.

#### ***b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:***

Công ty luôn đảm bảo tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty ký hợp đồng từ 01 năm trở lên đều được tham gia đủ chế độ Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời được cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ. Khen thưởng các nhân viên có thành tích tốt trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hàng năm Công ty còn trích từ chi phí sản xuất hỗ trợ cho CBCNV đi thăm quan nghỉ mát. Ngoài ra trong năm Công ty còn tổ chức 02 đợt khám sức khỏe định kỳ

cho người lao động, để kịp thời phát hiện các trường hợp có bệnh hoặc sức khỏe yếu để đưa đi điều trị, phục hồi chức năng tại các cơ sở của Tập đoàn và Nhà nước. Công ty tin rằng đời sống ổn định và sự an tâm về mặt tinh thần sẽ giúp người lao động có thêm động lực trong lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:**

Trong năm 2020, HĐQT Công ty tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc rà soát lại các quy chế đã ban hành và xây dựng một số quy chế mới để trình HĐQT xem xét phê duyệt và ban hành áp dụng cho phù hợp với các quy định của pháp luật và của TKV. Năm 2020, Giám đốc điều hành Công ty đã trình HĐQT phê duyệt các Quy chế nhằm tăng cường quản lý Công ty trên các mặt đầu tư xây dựng, quản lý rủi ro, quản lý tài sản, kiểm toán nội bộ, quản lý đất đai...; Trong SXKD của Công ty; Đảng ủy, Công đoàn và Giám đốc điều hành đã ký các Nghị quyết Liên tịch để thống nhất lãnh đạo điều hành trong các mặt hoạt động phong trào của CBCNVC và người lao động của Công ty. Qua hoạt động giám sát, HĐQT đánh giá:

- Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định của HĐQT; các Quy chế, Quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Giám đốc đã trình HĐQT thực hiện sắp xếp lại mô hình tổ chức, tái cơ cấu lực lượng lao động theo hướng giảm lao động phục vụ phụ trợ, tăng cường và ưu tiên chế độ cho thợ có tay nghề bậc cao, ban hành lại các quy chế phù hợp với quy định của Nhà nước.

- Công tác An toàn: Với mục tiêu “An toàn là số một”, năm 2020 vừa qua, Công ty tổ chức huấn luyện AT-VSLĐ cho các đối tượng theo đúng kế hoạch đề ra. Triển khai đồng bộ các biện pháp đảm bảo an toàn, tăng cường kiểm tra công tác an toàn lao động (định kỳ, đột xuất). Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức tự chủ an toàn cho người lao động, và duy trì việc theo dõi thực hiện công tác an toàn qua hệ thống Camera giám sát.

- Công tác An ninh trật tự: Tiếp tục được duy trì ổn định, thực hiện quyết liệt, ngăn chặn việc xâm nhập khai trường, kiểm soát người và thiết bị hoạt động tại khai trường và ra vào khai trường... Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ.

- Công tác thi đua-khen thưởng: Ngay từ đầu năm, Công ty đã phát động phong trào thi đua lao động sản xuất sâu rộng trong toàn Công ty với mục tiêu An toàn - Đổi mới - Phát triển. Phát động thi đua thiết thực lập thành tích chào mừng kỉ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2020); Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Đại hội thi đua yêu nước TKV lần thứ V; 75 năm Cách mạng Tháng 8 và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam (02/9/1945-02/9/2020);

- Công tác phối hợp với các đoàn thể, quần chúng trong Công ty và cơ quan chính quyền địa phương: Cùng với các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho CBCNV về nhiệm vụ SXKD và những giải pháp của Công ty; thực hiện tốt công tác phối hợp đẩy mạnh và phát động các phong trào thi đua LĐSX; công tác đảm bảo AT-VSLĐ; bảo vệ môi trường... tạo sự đồng lòng, quyết tâm thực hiện hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu được giao. Đối với chính quyền địa phương tăng cường hợp tác, phối hợp đảm bảo sự phát triển hài hòa trên địa bàn.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

Trong năm 2020, Ban Giám đốc đã điều hành SXKD và các mặt hoạt động khác của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, chỉ đạo của Tập đoàn, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đề ra và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty. Kết quả năm 2020, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu theo Hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn TKV, đồng thời Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp ngân sách nhà nước.

Quá trình điều hành sản xuất linh hoạt, báo cáo thường xuyên với HĐQT về những vướng mắc phát sinh và trình HĐQT giải quyết kịp thời những nội dung công việc thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT. Do đó, mọi hoạt động SXKD của Công ty diễn ra bình thường, không bị ách tắc, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch SXKD năm 2020; Kết quả SXKD của Công ty sau khi đã trích lập các khoản dự phòng và mua bảo hiểm đầy đủ cho các thiết bị, lợi nhuận vẫn còn do đó Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

Nền tài chính của Công ty lành mạnh, các nguồn vốn được sử dụng linh hoạt hiệu quả. Công tác tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo đúng chế độ qui định của Nhà nước. Các hợp đồng kinh tế Công ty đã ký với các đối tác kinh doanh trong năm 2020 đều phù hợp với Luật Dân sự, Luật Thương mại và các quy định của Nhà nước, Tập đoàn TKV. Trong quá trình thực hiện hợp đồng không có tranh chấp giữa Công ty với các đối tác.

Công ty sử dụng lao động đúng theo quy định của Tập đoàn trong công tác quản lý lao động, tiền lương và phát triển nguồn nhân lực. Công ty áp dụng thang bảng lương và chế độ đối với người lao động theo các qui định của Nhà nước, Tập đoàn và của Công ty. Công ty đã ban hành phổ biến quy chế quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như quy định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá, tiền lương và thu nhập được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm, trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh Công ty chỉ đạo tốt các đơn vị, người lao động trong Công ty sản xuất hiệu quả, đảm bảo phát triển Công ty ổn định, bền vững.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

§

Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao. Tổ chức điều hành sản xuất hợp lý, đồng bộ các khâu, các công đoạn sản xuất.

Giữ vững an toàn, an ninh trật tự trong sản xuất, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Hướng ứng mục tiêu điều hành của TKV “*An toàn – Phát triển – Hiệu quả*” và chủ đề “*Năm tiết kiệm*”; Triển khai các giải pháp đồng bộ để chống lãng phí, thất thoát vốn, tài sản công, thực hành tiết kiệm chi phí.

Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, cơ cấu và phân bổ lại lực lượng lao động giữa các ngành nghề và khu vực sản xuất theo chủ trương của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Tiếp tục rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước, Tập đoàn và Công ty. Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực của hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót, không để xảy ra sai phạm hoặc vi phạm.

Tăng cường hợp tác, phối hợp chính quyền địa phương đảm bảo sự phát triển hài hòa trên địa bàn, đặc biệt là phối hợp tốt với cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc quản lý ranh giới mỏ, quản lý khai thác, vận chuyển và kinh doanh than.

Phối hợp các tổ chức Đảng, đoàn thể đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn đến người lao động, công chúng và khách hàng cần thiết để tất cả mọi người trong đơn vị hiểu rõ, tạo sự đồng thuận, nhằm phát huy tối đa và tiềm năng lợi thế của toàn Công ty để thực hiện mục tiêu chung AN TOÀN – PHÁT TRIỂN – HIỆU QUẢ.

## V. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/Độc lập/Không điều hành	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
				Đại diện	Sở hữu	
1	Phạm Công Hương	Chủ tịch	Không ĐH			Từ nhiệm 1/3/2020
2	Trần Thế Thành	Chủ tịch	Không ĐH	65,00	0	Bỏ nhiệm 01/03/2020
3	Nguyễn Quế Thanh	Ủy viên	Điều hành		0	(01/01:- 31/12)/2020
4	Vũ Tiến Quang	Ủy viên	Điều hành		0,005	(01/01:- 31/12)/2020
5	Hoàng Trọng Hiệp	Ủy viên	Điều hành		0,004	(01/01:- 31/12)/2020
6	Vadym D’omin	Ủy viên	Không ĐH	16,99	0	(01/01:- 31/12)/2020

Trong năm 2020 Bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT đồng thời giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT để thay thế cho thành viên HĐQT chuyển công tác theo yêu cầu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Theo đó ông Phạm Công Hương thôi tham gia HĐQT của Công ty, đồng thời TKV cử ông Trần Thế Thành – Trưởng ban quản lý vốn (QLV) của TKV làm Người đại diện của

TKV tham gia HĐQT của Công ty và được HĐQT Công ty họp bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 01/3/2020.

- Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên chủ tịch Hội đồng quản trị; 02 (hai) thành viên không điều hành và 03 (ba) thành viên điều hành. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên thể hiện tại bảng chi tiết nêu trên.

**b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị:** Công ty không thành lập tiểu ban.

**c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị:**

Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 29 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 29 Nghị quyết liên quan đến sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty cho phù hợp với tình hình. Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua đề Giám đốc Công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo lĩnh vực được phân công, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương lớn, các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành**

Trong năm 2020, ông Vadym D'omin là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của Hội đồng Quản trị, nhằm đảm bảo Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty đề ra.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

**e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:** Trong năm 2020 các thành viên HĐQT đã tham gia các lớp

về quản trị Công ty được tổ chức tại Trường quản trị kinh doanh của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

## 2. Ban Kiểm soát

a) *Thành viên và cơ cấu ban Kiểm soát* : Trong năm 2020, Ban kiểm soát của Công ty không có sự thay đổi.

Danh sách Ban kiểm soát năm 2020, bao gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
			Đại diện	Sở hữu	
1	Nguyễn Thị Tâm	Trưởng Ban		0	(01/01-: 31/12)/2020
2	Dương Hải Yến	Thành viên		0,010%	(01/01-: 31/12)/2020
3	Nguyễn Thế Hanh	Thành viên		0,009%	(01/01-: 31/12)/2020

b) *Hoạt động của Ban Kiểm soát*: Trong năm 2020 Ban Kiểm soát Công ty cổ phần than Mông Dương - Viancomin tổ chức 06 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty, bao gồm:

- Tổ chức 04 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầu tư XDCCB và báo cáo tài chính hàng quý của Công ty, trong mỗi kỳ họp ban kiểm soát đều ban hành Biên bản làm việc tại cuối mỗi kỳ kiểm soát Ban Kiểm soát đã thống nhất biên bản và thông qua HĐQT, lãnh đạo điều hành Công ty để thống nhất các nhận xét đánh giá và kiến nghị của ban kiểm soát về hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, lãnh đạo điều hành Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCCB và tính cần trọng, trung thực trong báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty.

- Tổ chức 02 cuộc họp để tham gia thẩm định các dự án đầu tư và xây dựng kế hoạch SXKD hàng quý của Công ty.

- Tham các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty mời để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát công ty về việc tham gia các ý kiến trong quản lý điều hành và phê duyệt các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCCB, thẩm định và thông qua các quy chế quản lý của Công ty...

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

### a) *Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích*:

\* *Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát*: Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 với tổng số tiền là: 492,0 triệu đồng

\* *Lương, thưởng của ban Giám đốc*: Ban giám đốc Công ty có 07 thành viên. Trong năm 2020. Công ty quyết toán quỹ lương cho Ban Giám đốc với tổng số tiền là: 2.879 triệu đồng

\* Chi tiết lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc năm 2020 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	285,6		285,6	
2	Ban Kiểm soát	3	156,0		156,0	
3	Thư ký HĐQT Cty	1	50,4		50,4	
3	Ban Giám đốc	7	2.879	2.879		
*	Tổng số		3.371	2.879	492,0	

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* (Không có)

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Phụ lục số 2 kèm theo

d) *Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:* Trong năm 2020 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**1. Ý kiến kiểm toán:** Trích ý kiến kiểm toán viên theo Báo cáo số 27/2021/BCKT- PKF.VPC ngày 20 tháng 3 năm 2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam.

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin, và được phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán:** Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải BCTC là: [mongduongcoal.vn](http://mongduongcoal.vn)

Công ty xin trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Trần Thế Thành**

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, Sở GDCKHN, (b/c);
- Website Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc
- Lưu: VT, HĐQT (3)



**Phụ lục số 01**  
**TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**  
(Bao gồm: Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng)

**1) Lý lịch của Giám đốc điều hành Nguyễn Quế Thanh**

Họ và tên: NGUYỄN QUẾ THANH

Giới tính:  nam  nữ

Số CCCD: 022068000994

Ngày tháng năm sinh: 19/8/1968;

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Địa chỉ thường trú: Tổ 19C, Khu 6, P.Quang Trung, TP Uông Bí, Q Ninh

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khai thác mỏ

Quá trình công tác:

- Từ tháng 4/1993 -:- tháng 9/1994- Công nhân khai thác lộ thiên - Xí nghiệp thăm dò than II

- Từ tháng 10/1994 -:- tháng 3/1999 Nhân viên Phòng Kỹ thuật - Mỏ than Yên Tử.

- Từ tháng 4/1999 -:- tháng 7/1999 Nhân viên Phòng Kỹ thuật - Xí nghiệp Than Nam Mẫu

- Từ tháng 8/1999 -:- tháng 4/2002 Phó Phòng Kỹ thuật – Xí nghiệp Than Nam Mẫu

- Từ tháng 5/2002 -:- tháng 2/2005 Trưởng Phòng Đầu tư – Xí nghiệp Than Nam Mẫu

- Từ tháng 3/2005 -:- tháng 2/2008 Trưởng Phòng Đầu tư – Công ty Than Uông Bí

- Từ tháng 3/2008 -:- tháng 2/2012 Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Than Uông Bí – Vinacomin

- Từ tháng 3/2012 -:- tháng 3/2014 Giám đốc; Bí thư Đảng uỷ Công ty TNHH MTV Than Hồng thái


- Từ tháng 4/2014-:- tháng 3/2017 Giám đốc -; Phó Bí thư Đảng uỷ Công ty Than Hồng Thái – TKV

- Từ tháng 4/2017 đến nay – Giám đốc Bí thư Đảng uỷ Công ty CP than Mông Dương;

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Giám đốc - Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Bí thư Đảng uỷ.

Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần; 

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

## 2) Lý lịch của Phó Giám đốc Hòa Quang Trung

- Họ và tên: HÒA QUANG TRUNG
- Giới tính:  nam  nữ
- Số CMND: 100717533;
- Ngày tháng năm sinh: 21/3/1961;
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Đường Tô Hiệu, Cẩm trung, Cẩm Phả, QNinh
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ;
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 1985 ÷ 1986 – Công nhân tập sự, Công trường KT4 mỏ Mông Dương.
  - Từ năm 1986 ÷ 1988 – Nhân viên phòng AT Mỏ Mông Dương
  - Từ năm 1988 ÷ 1990 – Đội trưởng Đội cấp cứu mỏ Mỏ Mông Dương
  - Từ năm 1990 ÷ 1997 - Phó phòng AT kiêm Đội trưởng Đội cấp cứu mỏ Mỏ Mông Dương
  - Từ năm 1997 ÷ 1999 - Trưởng phòng kỹ thuật – Xí nghiệp khai thác và TTKS, Công ty Địa chất
  - Từ năm 1999 ÷ 2000 - Trưởng phòng ATLĐ – Công ty Địa chất và TTKS
  - Từ năm 2000 ÷ 2003 - Phó phòng kỹ thuật – Công ty Địa chất và TTKS
  - Từ năm 2003 ÷ 2004 - Phó Giám đốc – Bí thư ĐU – Xí nghiệp than Đông bắc MD
  - Từ năm 2004 ÷ 2005 - Phó phòng TTĐHSX Công ty CP than Mông Dương
  - Từ năm 2005 ÷ 2007 - Trưởng phòng Thông gió Công ty CP than Mông Dương
  - Từ năm 2007 ÷ 2008 - Trợ lý Giám đốc Công ty CP than Mông Dương
  - Từ năm 2008 ÷ 2009 - Trợ lý Giám đốc kiêm Trưởng phòng Thông gió Công ty CP than Mông Dương
  - Từ năm 2009 ÷ 2011 - Trợ lý Giám đốc kiêm Trưởng phòng An toàn Công ty than Mông Dương
  - Từ năm 2011 đến nay - Phó Giám đốc Công ty CP than Mông Dương &

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần đang nắm giữ: **3.486** cổ phiếu.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **3.486** cổ phiếu;

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

### 3) Lý lịch của Phó Giám đốc Vũ Tiên Quang

- Họ và tên: **VŨ TIẾN QUANG**

- Giới tính:  nam  nữ

- Số CMND: **101013120**;

- Ngày tháng năm sinh: **20/6/1972**;

- Quốc tịch: **Việt Nam.**

- Dân tộc: **Kinh.**

- Địa chỉ thường trú: **Tổ 1, Khu 2, Mông Dương, Cẩm Phả, Q.N**

- Trình độ văn hoá: **12/12**

- Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ khai thác mỏ;**

Quá trình công tác:

- Từ tháng 10/1999 -:- tháng 7/2002 Nhân viên phòng Kỹ thuật Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 8/2002 -:- tháng 10/2004 Phó phòng Kỹ thuật Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 11/2004 -:- tháng 11/2007 Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 12/2007 đến nay Phó giám đốc Công ty CP than Mông Dương

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BTV Đảng uỷ

Số cổ phần đang nắm giữ: **1.109** cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **1.109** cổ phiếu;

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: **Không.**

-Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần):

+Vợ Lê Thị Huệ: Số cổ phần đang nắm giữ: **4.785** cổ phiếu



Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

**4) Lý lịch của Phó Giám đốc Hoàng Trọng Hiệp**

Họ và tên: HOÀNG TRỌNG HIỆP

Giới tính:  nam  nữ

Số CMND: 100662895,

Ngày tháng năm sinh: 14 tháng 2 năm 1980

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 5 Cẩm Tây, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khai thác mỏ

Quá trình công tác:

- Từ tháng 7/2001 -:- tháng 12/2004 Kỹ thuật viên phòng Công nghệ khai thác. Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 01/2005 -:- tháng 2/2006 Quyền phó phòng Công nghệ khai thác. Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 3/2006 -:- tháng 12/2006 Phó phòng Công nghệ khai thác. Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 01/2007 -:- tháng 3/2007 Phó phòng An toàn mỏ. Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 4/2007 -:- 11/2007 Quyền Trưởng phòng An toàn mỏ. Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 12/2007 -:- tháng 11/2008 Quyền Trưởng phòng Trung tâm điều hành an toàn – sản xuất. Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 12/2008 -:- tháng 5/2013 Trưởng phòng Trung tâm điều hành an toàn – sản xuất; Bí thư chi bộ khối điều hành; UVBCH Đảng bộ. Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 6/2013 -:- tháng 8/2013 Quản đốc công trường Đào lò 4. Công ty than Mông Dương

- Từ tháng 9/2013 -:- tháng 5/2014 Trưởng phòng Trung tâm điều hành an toàn – sản xuất. Công ty than Mông Dương

- Từ tháng 5/2014 đến nay Phó Giám đốc Công ty CP than Mông Dương. Công ty CP than Mông Dương

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BTV Đảng uỷ.





+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không  
Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không  
Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

**6) Lý lịch của Kế toán trưởng Phạm Cẩm Hải.**

Họ và tên: PHẠM CẨM HẢI

Giới tính:  nam  nữ

Số CMND: **022082003610**;

Ngày tháng năm sinh: 30/9/1982

Quốc tịch: Việt nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: **Cẩm thành-Cẩm phả -Quảng Ninh**

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Từ tháng 3/2007 -:- tháng 09/2008: Công nhân thống kê sản lượng – Phòng Kế toán – Thống kê – Công ty CP than Mông Dương.

- Từ tháng 10/2008 -:- tháng 11/2013: Nhân viên Phòng Kế toán – Thống kê – Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2018: Phó Phòng Kế toán – Thống kê – Công ty CP than Mông Dương.

- Từ tháng 12/2018 đến nay Kế toán trưởng; Bí thư chi bộ; UVBCH Đảng ủy Công ty CP than Mông Dương.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế Toán Trưởng;

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không;

Số cổ phần đang nắm giữ: không có;

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: không có;

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không;

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có;

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không;

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không



**Phục lục số 02**

**GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN &  
GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT  
ĐANG LÀ THÀNH VIÊN HĐQT TRONG THỜI GIAN 3 NĂM TRỞ LẠI ĐÂY**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-TMD, ngày /04/2021 của HĐQT)*

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH; Ngày cấp; Nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua <i>(nếu có nêu rõ ngày ban hành)</i>	Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV). (Bao gồm các Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn như: - Công ty Tuyển Than Hòn Gai - Vinacomin; - Công ty Kho vận Cẩm Phá - Vinacomin; - Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV)	Cổ đông lớn	Mã số DN: 5700100256; 21/10/2014 Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 226, đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Từ năm 2020 đến khi có thay đổi khác	Số 21/NQ-HĐQT ngày 1/3/2020	Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể. Đối với hợp đồng/ giao dịch có giá trị cụ thể, giá trị giao kết phải nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tại Báo cáo tài chính ở thời điểm gần nhất	TKV Năm giữ 65% Vốn điều lệ của Công ty
2	Công ty cổ phần Vật tư – TKV	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Mã số DN: 5700100707; 25/06/2010; Sở KH&ĐT Quảng Ninh.	Tổ 1, khu 2, Phường Hồng Hà Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Từ năm 2020 đến khi có thay đổi khác	Số 21/NQ-HĐQT ngày 1/3/2020		Chủ tịch HĐQT MDC là Chủ tịch HĐQT Công ty

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH; Ngày cấp; Nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
3	Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Mã số DN: 0100101298; 01/11/2004; Sở KH&ĐT Hà Nội	Tòa nhà Việt Á, Duy Tân, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Từ năm 2020 đến khi có thay đổi khác	Số 21/NQ-HĐQT ngày 1/3/2020		Chủ tịch HĐQT MDC là Chủ tịch HĐQT Công ty
4	Công ty cổ phần Kinh doanh Than Cẩm Phả - Vinacomin	Cùng người có liên quan	Mã số DN: 5700526333; 27/12/2004; Sở KH&ĐT Quảng Ninh	Số 170 đường Trần Phú, Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh	Từ năm 2020 đến khi có thay đổi khác	Số 21/NQ-HĐQT ngày 1/3/2020		Chủ tịch HĐQT MDC là Trưởng ban kiểm soát Công ty